

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu
GT2025-SCĐK-26- Mua sắm VTTT phần Cơ
nhiệt Hệ thống Bơm nước cấp

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2025-SCĐK-26- Mua sắm VTTT phần Cơ nhiệt Hệ thống Bơm nước cấp, NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan khác.

2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp chào thời gian tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 10/02/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangtth@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; lienht@pvpgb.vn

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ nhà máy (để b/c);
- Phòng: KTATMT;
- Lưu VT, TM (H.T.L).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC - VẬT TƯ THAY THẾ PHẦN CƠ NHIỆT (HỆ THỐNG BƠM NƯỚC CẤP)

(Đính kèm Công văn số 155 /NMĐ SH1-TM ngày 24/01/2025)

STT	STT theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
	7	Hệ thống nước cấp						
	7.1	Bơm nước cấp Turbine	Model: 450HMBA06 Dimension: +Overall Length: 3.0m +Overall Width: 2.4m +Overall Height: 1.8 m +Removal space required: 2.8m	Hyuhdai				
1	7.1.1	Casing ring (1ST STG.DE)	ASTM A743 CA40		No.: 1102	1	pc	
2	7.1.2	Casing ring (1ST STG.NDE)	ASTM A743 CA40		No.: 1103	1	pc	
3	7.1.3	Casing ring(2ND,3RD STG)	ASTM A743 CA40		No.: 1104-A	2	pc	
4	7.1.4	Casing ring(4,5,6TH STG)	ASTM A743 CA40		No.: 1104-B	3	pc	
5	7.1.5	Inter bush(Center STG)	ASTM A743 CA40		No.: 1106	1	pc	
6	7.1.6	Inter bush(2ND STG)	ASTM A743 CA40		No.: 1107-A	1	pc	
7	7.1.7	Inter bush(4,5TH STG)	ASTM A743 CA40		No.: 1107-B	2	pc	
8	7.1.8	Balance sleeve key (DE)	Material: JIS SUS410Q		No. 1247-A	1	pc	
9	7.1.9	Balance sleeve key (DE)	Material: JIS SUS410Q		No. 1247-B	1	pc	
10	7.1.10	Split ring (DE)	Material: JIS SUS410Q		No. 1254	6	pc	
13	7.1.13	Oil seal ring	Material: JIS BC6		No.: 1425	1	pc	
14	7.1.14	Oil seal ring retainer	Material: JIS SS400		No.: 1426	1	pc	
15	7.1.15	Thrust bearing	AISI 1025+BABBIT		No.: 1440	1	Set	
16	7.1.16	Radial bearing	STEEL+W.METAL		No.: 1450	2	Set	
17	7.1.17	O-ring	VITON-902		No.: 1731-A	1	pc	
18	7.1.18	O-ring	VITON-902		No.: 1731-B	3	pc	
19	7.1.19	O-ring/back-up ring	VITON-902/PTFE		No.: 1731-C	1	pc	
20	7.1.20	O-ring/back-up ring	VITON-902/PTFE		No.: 1731-D	2	pc	
21	7.1.21	O-ring	VITON-902		No.: 1731-E	1	pc	
22	7.1.22	O-ring/back-up ring	VITON-902/PTFE		No.: 1731-F	2	pc	
23	7.1.23	O-ring	VITON-902		No.: 1731-G	1	pc	
24	7.1.24	O-ring	VITON-902		No.: 1731-H	1	pc	

PH
VIỆT
ĐOÀN
DẦU
PHÁT
CHI
: 010

25	7.1.25	Spiral wound gasket	JIS SUS304+GRAPH.		No.: 1734-A	1	pc	
26	7.1.26	Spiral wound gasket	JIS SUS304+GRAPH.		No.: 1734-B	1	pc	
27	7.1.27	Spiral wound gasket	JIS SUS304+GRAPH.		No.: 1734-C	1	pc	
	7.2	Bơm tăng áp Turbine	Model: 450x300HDR Dimension: +Overall Length: 3.0m +Overall Width: 2.4m +Overall Height: 1.8 m +Removal space required: 2.8m	Hyuhdai				
28	7.2.1	Casing ring	Material: ASTM A743 CA40		No.: 1101	4	pc	
29	7.2.2	Locating ring	Material: JIS SCM435		No.: 1283	2	pc	
30	7.2.3	Set ring	Material: JIS SCM435		No.: 1284	2	pc	
32	7.2.5	Deflector (C)	Material: JIS BC6		No.: 1421-A	2	pc	
33	7.2.6	Deflector (M)	Material: JIS BC6		No.: 1421-B	4	pc	
34	7.2.7	Oil seal ring	Material: JIS BC6		No.: 1425	2	pc	
35	7.2.8	Oil seal ring retainer	Material: JIS SS400		No.: 1426	2	pc	
36	7.2.9	Thrust bearing	Material: AISI 1025+BABBIT		No.: 1440	2	set	
37	7.2.10	Sleeve bearing	Material: JIS S25C-N+WJ2		No.: 1450	4	pc	
38	7.2.11	O-ring	Material: NBR		No.: 1731-A	6	pc	
39	7.2.12	O-ring	Material: NBR		No.: 1731-B	2	pc	
40	7.2.13	Spiral wound gasket	Material: JIS SUS304+GRAPH.		No.: 1734-A	2	pc	
41	7.2.14	Spiral wound gasket	Material: JIS SUS304+GRAPH.		No.: 1734-B	2	pc	
	7.9	Lọc đầu hút bơm nước cấp						
	7.9.1	Lọc đầu hút bơm nước cấp Turbine	Type: Basket Design code: ASME SEC.VIII DIV.1 2007 EDITION Flow rate: 1130 M3/H Operating pressure: 10.31 bar Operating temperature: 174.2 độ C Design pressure: 14 bar Design temperature: 178 độ C	Hyuhdai				

42	7.9.1.1	O-ring	Size: 8.7T x OD1490 Material: FPM		No. 6	4	pc	
	7.9.2	Lọc đầu hút bơm nước cấp Điện	Type: Basket Design code: ASME SEC. VIII DIV.1 2007 EDITION Flow rate: 680 M3/H Operating pressure: 10.34 bar Operating temperature: 174.2 độ C Design pressure: 14 bar Design temperature: 178 độ C	Hyuhdai				
43	7.9.2.1	O-ring	Size: 8.4T x OD1040 Material: FPM		No. 6	2	pc	

Key

